

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-ST

Ngày: 29/12/2022

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng
giao khoán công việc"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh Nhân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan Anh

2. Bà Đặng Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tú Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng giao khoán công việc, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên toà số 106, số 112 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh Mạnh Th, sinh năm 1979; Địa chỉ: Bản C, xã L, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Ông Th có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đinh Mạnh Th - đối tượng hộ nghèo, có ông Hoàng Khắc C – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình. Ông C có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Đ (gọi tắt là công ty Đ); địa chỉ: xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Đại diện theo pháp luật: ông Lê Đức T – Giám đốc. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH Du lịch và xây dựng V; địa chỉ: số X đường F, TDP A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Thuý N – Giám đốc. Vắng mặt.

3.2. Ông Vũ Quang T – Chi huy trưởng công trường Công Ty TNHH Du lịch và xây dựng Việt C. Địa chỉ: Ngõ A đường L, TDP X, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vàng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Đại diện nguyên đơn – ông Đinh Mạnh Th trong đơn khởi kiện, trong các văn bản tố tụng và trong buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa trình bày:

Ngày 12/7/2021 giữa ông Th và Công ty TNHH TM và XD Đức T ký hợp đồng giao khoán số HDGK/ĐT/2021-07 về việc thi công dự án khu nhà ở thương mại phía tây mương Phóng Thủy tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình với nội dung ông T thuê công nhân đúc tấm đan mương và đập trên mặt mương. Các bên thoả thuận đơn giá mỗi tấm đan 50x70 giá 45.000đ, số lượng ước tính khoảng 8.000 tấm. Sau khi ký hợp đồng, phía ông Th đã tìm kiếm, thuê và đem nhân công đến công trường để thực hiện nội dung công việc được giao. Từ ngày 23/7/2021 đến ngày 17/12/2021, đội của ông Thảo đúc được tổng cộng 1.669 tấm đan bê tông. Sau đó có xảy ra tranh chấp, ngày 18/12/2021 ông Phan Văn D – Phó giám đốc công ty TNHH Du lịch và xây dựng V (gọi là công ty V) gọi ông Thảo đến để hỏi về chuyện nội bộ xảy ra trên công trường sau đó ép đội công nhân của ông Th nghỉ, không cho làm việc tại công trường. Sau đó ông T ép ông Th chấm dứt hợp đồng giao khoán. Ngày 02/01/2022, hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng với nội dung đúc được 1.669 tấm đan, sau khi trừ các chi phí tạm ứng, Công ty Đ còn nợ ông Th 18.566.000 đồng, hẹn đến ngày 09/01/2022 sẽ thanh toán hết nợ. Tuy nhiên, quá thời hạn nêu trên đã lâu nhưng Công ty Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do đó ông Th khởi kiện đề nghị Toà án buộc Công ty Đ phải trả số tiền còn nợ 18.566.000đ, tiền lãi 3.713.000đ và tiền bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng gây ra là 67.200.000 đồng (tiền công nhân mất việc làm từ ngày 18/12/2021 đến ngày 02/01/2022) và tiền đầu tư máy móc, phương tiện, dụng cụ làm việc 10.000.000 đồng. Tổng cộng: 149.479.000 đồng.

* Đại diện của bị đơn – ông Lê Đức T đã trình bày: Hoàn toàn thừa nhận có việc ký hợp đồng giao khoán với ông Th thuê mướn nhân công đúc tấm đan bê tông để thi công công trình của Công ty V. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Th gây gổ gây mất trật tự bị phía Công ty V buộc nghỉ việc. Điều đó ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành giữa Công ty Đ và công ty V đã ký kết nên Công ty V đã phạt hợp đồng đang giữ 91.000.000đ chưa thanh toán. Nay ông Th khởi kiện yêu cầu thanh toán, phía công ty Đ đồng ý thanh toán số tiền còn lại chưa thanh toán là 18.566.000đ, các yêu cầu khác ông T không đồng ý.

Quá trình hoà giải: nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bị đơn mà đề nghị ngoài yêu cầu thanh toán số tiền 18.566.000đ còn đề nghị hỗ trợ thêm thiệt hại do vi phạm hợp đồng là 23.000.000đ. Nhưng bị đơn chỉ đồng ý thanh toán số tiền còn nợ là 18.566.000đ và hỗ trợ thêm 5.000.000đ

* Ý kiến của trợ giúp viên pháp lý: Các bên đã ký hợp đồng giao khoán công việc nhưng bên Công ty Đ tự ý chấm dứt hợp đồng mà không có lý do, gây ảnh hưởng đến tiến độ; việc ông Th đã mua máy móc, trang thiết bị để thực hiện hợp đồng theo dự tính nhưng nay không thực hiện làm ảnh hưởng kinh tế. Công ty Đ không trả tiền công, chậm thanh toán nên buộc công ty Đ phải chịu trách nhiệm. Căn cứ Điều 30, 35, 40 BLTTDS; Điều 410, 413, 419, 468 BLDS; Điều 306 Luật thương mại; Điều 138 Luật xây dựng, đề nghị buộc bị đơn thanh toán tiền công nợ 18.566.000đ, tiền lãi chậm trả 3.713.000đ, tiền mua máy móc 10.000.000đ; tiền công của 14 người x 16 ngày x 300.000đ = 67.200.000đ. Tổng số tiền yêu cầu tính đến ngày xét xử là: 149.479.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng giao khoán công việc nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35; Điều 40 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập làm bản tự khai, khi tiến hành hòa giải thì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đương sự có mặt vẫn đề nghị tiến hành hoà giải lần 1, phiên hoà giải thứ 2 thì bị đơn vắng mặt, nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vì các bên đã nhiều lần làm việc nhưng không thoả thuận được. Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không được. Ngày 08/11/2022 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số 171/2022/QĐST-DS ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, do có đương sự vắng mặt nên hoãn phiên tòa lần một, phiên tòa lần 2 nguyên đơn có đơn xin hoãn nên HĐXX đã ấn định lại thời gian xét xử vào ngày 29/12/2022.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán số tiền đang nợ theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 02/01/2022 với số tiền 18.566.000đ:

Căn cứ vào Hợp đồng giao khoán số HDGK/ĐT/2021-07 ngày 12/7/2021 giữa Công ty Đ với ông Đinh Mạnh Th xác định được giữ các bên đã thoả thuận nội dung công việc là “đúc tấm đan mương và đập lên mặt mương” với đơn giá tấm đan 45.000đ (bao gồm cả đập); khối lượng thanh toán theo khối lượng thực tế được nghiệm thu cho 01 mét dài hoàn thiện.

Tại giấy kê khai khối lượng công việc do ông Đinh Mạnh Th ghi ngày 25/12/2021 có nội dung “Cục đúc tấm đan từ ngày 13/7/2021 đến ngày 14/12/2021. Tổng cộng đúc cục tấm đan hoàn thiện 1.669 cục (tấm). Có xác nhận của Nguyễn Văn D và có xác

nhận của ông Lê Đức T, có đóng dấu của công ty Đ, đồng thời xác nhận thành tiền là 18.000.000đ và đề nghị Công ty V chi trả cho ông Th.

Tại Biên bản thanh lý hợp đồng giao khoán ngày 02/01/2022, đại diện phía công ty Đ (có ông Nguyễn Văn D) và ông Th đã cùng thoả thuận chấm dứt toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký ngày 12/7/2021 và bên công ty Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Th số tiền 18.566.000đ chậm nhất là 08/01/2022. Về phần máy móc công cụ do ông Đinh Mạnh Th tự bỏ tiền ra mua nên nhất trí tạo điều kiện cho ông Th vận chuyển tất cả số máy móc, công cụ về nhà. Sau đó có xác nhận của ông Vũ Quang T xác nhận việc ông Th vận chuyển toàn bộ máy móc ra khỏi công trường.

Tại phiên hoà giải ngày 26/4/2022, các bên đương sự đều thừa nhận phía công ty Đ còn nợ ông Đinh Mạnh Th số tiền 18.566.000đ theo hợp đồng đã ký giữa hai bên. Do đó có đủ căn cứ để chấp nhận số tiền nói trên.

[2.2]. Đối với khoản tiền lãi: HĐXX nhận thấy theo biên bản đối chiếu công nợ được ký giữa ông Th với ông D (là cán bộ của công ty Đ) cam kết sẽ trả chậm nhất vào ngày 08/01/2022 nhưng không thực hiện nên phải chịu tiền lãi từ khi chậm trả đến nay 29/12/2022 là 11 tháng 21 ngày.

Các bên không thoả thuận về lãi suất trong hợp đồng nhưng khi chậm trả tiền, tranh chấp có yêu cầu về lãi nên cần áp dụng Điều 357, 468 BLDS để xác định lãi suất 10%/năm (tức là 0,833%/tháng = 0,027%/ ngày) trên số tiền chậm trả là có căn cứ theo quy định của pháp luật. cụ thể: $[18.566.000 \text{ đ} \times (11 \text{ tháng} \times 0,833\%)] + [18.566.000 \text{ đ} \times (21 \text{ ngày} \times 0,027\%)] = 1.701.000\text{đ} + 105.269 \text{ đ} = 1.806.270\text{đ}$.

Tổng số tiền [2.1] và [2.2] được chấp nhận là 20.372.270đ.

[2.3]. Đối với yêu cầu buộc công ty Đ bồi thường thiệt hại do vi phạm chấm dứt hợp đồng giao khoán trái pháp luật: cụ thể tiền công nhân 14 người x 16 ngày 300.000đ = 67.200.000đ và tiền đầu tư máy móc 10.000.000đ.

Việc dừng thực hiện hợp đồng theo bị đơn trình bày là do phía công nhân của ông Th đã gây gổ đánh nhau với người của phía bên công ty V nên công ty V yêu cầu dừng không thực hiện thi công trên công trình của Công ty V, còn phía bên công ty Đ hoàn toàn không liên quan và không có lỗi. Tuy nhiên ông Th cho rằng phía bên Công ty Đ cấu kết với công ty V cố tình gây gổ làm khó và ép buộc phía bên ông Th dừng không tiếp tục thực hiện hợp đồng giao khoán, sự việc đánh nhau thì ông Th cũng đã trình báo lên cơ quan công an. Nhưng HĐXX nhận thấy đây đều là lời khai và không có kết quả giải quyết của cơ quan chức năng nào để xác định lỗi vi phạm hợp đồng do ai gây ra. Do đó, căn cứ vào thoả thuận tại hợp đồng và các văn bản mà các bên đã ký kết, xác nhận để giải quyết.

HĐXX căn cứ vào Hợp đồng giao khoán ngày 12/7/2021, tại Điều 8 đã xác định trách nhiệm của mỗi bên, theo đó bên B (ông Đinh Mạnh Th) “*phải chịu trách nhiệm chuẩn bị số lượng nhân công và trình độ tay nghề để đảm bảo hoàn thành về kỹ thuật xây dựng công trình, ... Chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho máy móc thiết*

bị và cho người lao động... ” Như vậy về nhân công và máy móc trách nhiệm thuộc về ông Đinh Mạnh Th.

Mặt khác tại điểm Lưu ý của hợp đồng còn quy định: “...không gây gổ đánh nhau trong công trường thi công...”.

Tại điểm 7.1 Điều 7 của Hợp đồng nói trên cũng đã quy định việc tạm dừng thực hiện hợp đồng “Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận” và tại Biên bản thanh lý hợp đồng giao khoán có nội dung “*Chúng tôi gồm có bên A và bên B 2 bên cùng thỏa thuận chấm dứt toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký vào ngày 12/7/2021...*”. Như vậy các bên không xác định lỗi do bên nào trong việc dừng thực hiện hợp đồng mà đều tự nguyện dừng.

Từ những căn cứ và phân tích ở trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Th về tiền công nhân 14 người x 16 ngày 300.000đ = 67.200.000đ và tiền đầu tư máy móc 10.000.000đ.

[3] Về án phí: Nguyên đơn là đối tượng hộ nghèo nên không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận 1 phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 35; Điều 40; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 357; 385; 386; 398; 401; 414; 468 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng Điều 138 Luật xây dựng;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Đinh Mạnh Th.

1.1. Buộc Công ty TNHH TM và XD Đức Tuấn phải trả cho ông Đinh Mạnh Th số tiền tính đến hết ngày 29/12/2022 là: 20.372.270 đồng (trong đó: tiền công nợ 18.566.000 đồng và nợ lãi 1.806.270 đồng)

1.2. Từ ngày 30/12/2022 cho đến khi trả hết nợ công và lãi, hàng tháng Công ty TNHH TM và XD Đ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền công nợ chậm trả theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Bác yêu cầu khởi kiện buộc công ty Đ bồi thường thiệt hại do vi phạm chấm dứt hợp đồng giao khoán trái pháp luật, với số tiền công nhân 14 người x 16 ngày x 300.000đ = 67.200.000đ và tiền đầu tư máy móc 10.000.000đ.

3. Án phí:

3.1. Bị đơn Công ty TNHH TM và XD Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.018.000 đồng.

3.2. Nguyên đơn ông Đinh Mạnh Th không phải chịu án phí.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhàn